TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **455**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2019
V/v "*Ly hôn*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Triết
- Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Miêng
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2212/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp PĐT, xã BKĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre. Tạm trú: Số Y, NTĐ, phường TML, quận Y1, thành phố HCM. (vắng mặt có đơn)

2. *Bị đơn:* Hồ Minh H, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Số X, ấp P, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Bé N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 19/9/2019 nhưng theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/7/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án chị N trình bày:

Chị N và anh Hồ Minh H cưới nhau vào năm 2015, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BKĐ, huyện MCN và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/5/2015, trong thời gian sống chung có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Phát H1, sinh ngày 23/8/2017 hiện nay đang sống chung với chị. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn hay cự cãi, chị N đã nhiều lần chịu đựng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không thay đổi nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay chị N yêu cầu về hôn nhân được ly hôn với anh Hồ Minh H. Về con chung: chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Nguyễn Phát H1, sinh ngày 23/8/2017 (hiện nay đang sống chung với chị N, cháu H1 vẫn phát triển tốt về thể chất

và tinh thần) và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Minh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 05/9/2019 nhưng theo nội dung Bản tự khai ngày 13/8/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh H trình bày:

Anh H thống nhất với chị Nguyễn Thị Bé N về thời gian cưới nhau, kết hôn và con chung, còn nguyên nhân mất hạnh phúc là do mâu thuẫn về vấn đề làm ăn không thống nhất, anh H và chị N đã ly thân nhưng anh H muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên anh H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Nếu Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị N thì con chung Hồ Nguyễn Phát H1, sinh ngày 23/8/2017 (hiện nay cháu H1 đang sống chung với chị N) anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng, nhưng đối với bị đơn không đến Tòa án tham gia hòa giải là chưa nghiêm túc thực hiện hiện đầy đủ quyền của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với anh Hồ Minh H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không yêu cầu nên không xem xét. Về con chung: chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Nguyễn Phát H1, sinh ngày 23/8/2017 và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Bé N yêu cầu ly hôn với anh Hồ Minh H, do bị đơn sinh sống tại huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé N và bị đơn anh Hồ Minh H có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị Bé N và anh Hồ Minh H cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BKĐ, huyện MCN vào năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời quá trình giải quyết Tòa án đã 02 lần triệu tập hợp lệ anh H đến Tòa án để hòa giải nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, từ đó cho thấy anh H không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với chị N. Xác định chị N và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với anh Hồ Minh H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Chị N và anh H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Hồ Nguyễn Phát H1, sinh ngày 23/8/2017 và cả hai không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Hồ Nguyễn Phát H1, sinh ngày 23/8/2017, hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi và đang sống chung với chị N, cháu H1 vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần nên không nhất thiết phải thay đổi môi trường sinh sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu H1. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H1 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: hai bên trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Chị Nguyễn Thị Bé N phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé N. Cho chị Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với anh Hồ Minh H.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé N được trực tiếp nuôi dưỡng Hồ Nguyễn Phát H1, sinh ngày 23/8/2017. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Bé N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0003998 ngày 25/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Như vậy án phí chị N đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã BKĐ;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết